

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ – ST
Ngày 14 tháng 4 năm 2022
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Ngọc Đại
2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2021/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1995, (có mặt).

Địa chỉ: phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Địa chỉ: phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 25/9/2020 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh H. Tình cảm vợ chồng chỉ hòa thuận được vài tháng đầu sau khi kết hôn, được gần một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng khác nhau. Giữa chị và anh H không có tiếng nói chung, anh H thường xuyên tụ tập bạn bè, chơi bời, lạnh nhạt và không quan tâm gì đến chị. Do không thể chịu được cách sống của anh H nên tháng 9 năm 2021 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay chị và anh H sống ly thân, không còn liên lạc và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn H sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ và gửi các văn bản của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Thông báo về phiên hòa giải. Ngoài ra, Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng anh H cố tình trốn tránh và không nộp cho Tòa án các văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N cùng các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.*

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 3 năm 2022, ông Nguyễn Xuân Đ là bố đẻ của anh H trình bày: Gia đình ông tổ chức kết hôn cho chị N, anh H vào tháng 9 năm 2020, trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu, không bị hai bên gia đình ép buộc gì. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu và sống chung cùng gia đình ông. Quá trình chung sống ông thừa nhận vợ chồng chị N, anh H có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau. Đến tháng 9 năm 2021 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay chị N không quay về chung sống cùng anh H và gia đình ông nữa. Khi các cháu xảy ra mâu thuẫn gia đình ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng cả hai đều không nghe và không có thiện trí muốn đoàn tụ. Ông xác nhận vợ chồng chị N, anh H không có con chung. Việc chị N làm đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết anh H có được biết. Các văn bản của Tòa án gửi cho anh H ông đều nhận hộ và đã thông báo cho anh H được biết, anh H có nói với ông việc ly hôn là do chị N yêu cầu nên một mình chị N đến Tòa án giải quyết, anh H không có ý kiến gì. Với yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H con trai ông, ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N, vì chị N và anh H đã sống ly thân nhau được một thời gian dài.

Tại phiên tòa: Chị N giữ nguyên quan điểm xin ly hôn; về con chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

* Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn H nhưng anh H vắng mặt tại Tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Hằng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Phường Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào năm 2020 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị N, anh H đang cư trú và lời khai của ông Nguyễn Xuân Đ là bố đẻ của anh H đều thể hiện: Chị N và anh H sống ly thân từ

tháng 9 năm 2021 đến nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh H, chính quyền địa phương cùng ông Đ đều không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc chị N làm đơn xin ly hôn anh H vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của ông Đ là bố đẻ anh H cũng như lời trình bày của chị N đều xác định chị N và anh H đã sống ly thân được một thời gian từ tháng 9 năm 2021 đến nay, không còn liên lạc và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Anh H có biết việc chị N làm đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc và không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh H.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000618 ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Nam Viêm;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung

